CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10../2020/CVN	----------
V/v CBTT BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và giải trình lợi nhuận	

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: **- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Mã chứng khoán: **CVN**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Mạnh Cường**

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Vinam xin báo cáo Quý Uỷ ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) như sau:

1. Giải trình lợi nhuận tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước

STT	Chỉ tiêu tại báo cáo tài chính hợp nhất	Năm 2019 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Tăng/giảm so với 2018 %
1	Doanh thu thuần	211.655.389.914	59.576.834.385	255%
2	Giá vốn hàng bán	156.725.921.470	34.645.776.238	352%
3	Chi phí bán hàng	6.222.900.000	6.819.000.000	- 9%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.480.317.552	(1.842.565.558)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	47.089.185.658	20.662.506.176	127%
6	Lợi nhuận sau thuế	46.793.261.008	20.662.506.176	126%

Nguyên nhân:

- Doanh thu tăng 255% so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí bán hàng giảm 9% so với cùng kỳ năm trước.

Signature Not Verified
Ký bởi: TAKISHITA AKIRA
Ký ngày: 27/3/2020 18:04:10

- Do đó, lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 tăng 126% so với cùng kỳ năm trước.

2. Giải trình số liệu trên bảng kết quả kinh doanh chênh lệch trên 5% so với số liệu trước kiểm toán:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán (1)	Số liệu sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (3) = (2) – (1)	Nguyên nhân
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.705.089.914	211.655.389.914	-39.049.700.000	Loại trừ doanh thu do bán hàng nội bộ
2	Giá vốn hàng bán	193.910.321.470	156.725.921.470	-37.184.400.000	Loại trừ hàng bán nội bộ và điều chỉnh từ chi phí bán hàng sang giá vốn
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54.929.468.444	56.794.768.444	1.865.300.000	Do điều chỉnh doanh thu và giá vốn
4	Doanh thu hoạt động tài chính	11.920.613	1.311.920.613	1.300.000.000	Điều chỉnh trích trước khoản cổ tức từ đầu tư chứng khoán
5	Chi phí tài chính	1.557.049.713	1.430.000.000	-127.049.713	Điều chỉnh dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh
6	Chi phí bán hàng	9.348.200.000	6.222.900.000	-3.125.300.000	Điều chỉnh sang giá vốn hàng bán
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.421.121.792	47.108.171.505	2.687.049.713	Do các điều chỉnh trên
8	Thu nhập khác	1.440.902.000	181.902.000	-1.259.000.000	Điều chỉnh từ thu nhập khác sang giá vốn hàng bán
9	Lợi nhuận trước	45.661.135.945	47.089.185.658	1.428.049.713	Do các điều

	thuế				chỉnh trên
10	Lợi nhuận sau thuế	45.424.622.156	46.793.261.008	1.368.638.852	

3. Giải trình về điều chỉnh hồi tố trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Năm 2019 Công ty hợp nhất số liêu báo cáo tài chính của cả 2 công ty con. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 chỉ bao gồm số liệu của Công ty CP VINAM và Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam, mặt khác Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam được thành lập hoạt động từ ngày 20/11/2018 có độ dài khác với kỳ kế toán năm 2019. Do vậy số liệu báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 được trình bày nhưng không so sánh được với kỳ kế toán này. Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 là số liệu do công ty lập chưa được kiểm toán, trong đó được điều chỉnh và trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: đồng

Do	**31/12/2018 Đã báo cáo (a)**	**31/12/2018 Trình bày lại (b)**	**Chênh lệch (b-a)**	**Nguyên nhân**
Tài sản				
A. Tài sản ngắn hạn	**102.535.547.021**	**102.399.999.167**	**(135.547.854)**	Do các khoản điều chỉnh ở dưới
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**31.288.996.111**	**31.156.196.111**	**(132.800.000)**	Điều chỉnh từ phải thu ngắn hạn sang dài hạn
1. Phải thu ngắn hạn khác	132.807.732	7.732	(132.800.000)	Điều chỉnh từ phải thu ngắn hạn sang dài hạn
III. Tài sản ngắn hạn khác	**171.917.985**	**169.170.131**	**(2.747.854)**	Điều chỉnh từ chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.747.854	-	(2.747.854)	Điều chỉnh từ chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn
B. Tài sản dài hạn	**-**	**135.547.854**	**135.547.854**	Do các khoản điều chỉnh ở dưới
I. Các khoản phải thu dài hạn	**-**	**132.800.000**	**132.800.000**	Điều chỉnh từ phải thu ngắn hạn sang dài hạn
1. Phải thu dài hạn khác	-	132.800.000	132.800.000	Điều chỉnh từ phải thu ngắn hạn sang dài hạn
III. Tài sản dài hạn khác	**-**	**2.747.854**	**2.747.854**	Điều chỉnh từ chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn

1. Chi phí trả trước dài hạn	-	2.747.854	2.747.854	Điều chỉnh từ chi phí trả trước ngắn hạn sang dài hạn
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả	**1.506.138.549**	**8.325.138.549**	**6.819.000.000**	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
II. Nợ dài hạn	**-**	**6.819.000.000**	**6.819.000.000**	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
1. Dự phòng nợ phải trả dài hạn	-	6.819.000.000	6.819.000.000	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
B. Vốn chủ sở hữu	**101.029.408.472**	**94.210.408.472**	**(6.819.000.000)**	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
I. Vốn chủ sở hữu	**101.029.408.472**	**94.210.408.472**	**(6.819.000.000)**	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
1. Lợi nhuận sau thuế	15.733.507.877	8.914.507.877	(6.819.000.000)	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
Chỉ tiêu trên kết quả kinh doanh				
Doanh thu tài chính	**179.405.190**	**679.405.190**	**500.000.000**	Điều chỉnh lãi do chuyển nhượng vốn từ thu nhập khác sang doanh thu tài chính
Chi phí tài chính	2.175.253.330	(3.290.670)	(2.178.544.000)	Hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư vòa Công ty liên doanh liên kết
Chi phí bán hàng	-	6.819.000.000	6.819.000.000	Điều chỉnh hồi tố chi phí bán hàng tương ứng doanh thu năm 2018
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**24.777.775.565**	**20.637.319.565**	**(4.140.456.000)**	Do các khoản điều chỉnh ở trên

Thu nhập khác	526.624.282	26.624.282	(500.000.000)	Điều chỉnh lãi do chuyển nhượng vốn từ thu nhập khác sang doanh thu tài chính
Lợi nhuận khác	**525.186.611**	**25.186.611**	**(500.000.000)**	Điều chỉnh lãi do chuyển nhượng vốn từ thu nhập khác sang doanh thu tài chính
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**25.302.962.176**	**20.662.506.176**	**(4.640.456.000)**	Do các khoản điều chỉnh ở trên
Lãi trên cổ phiếu	3.067	2.505	(562)	Do các khoản điều chỉnh ở trên

4. **Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019 đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:**

https://vinamgroup.com.vn/

Công ty Cổ phần Vinam cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0102... CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG